TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 13/2018/HNGĐ
Ngày 13-4-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan

Bà Ngô Thị Thời

-***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 22-01-2018 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22-3-2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: khu A phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Cư trú tại: thôn P, xã N, TP Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung D**, sinh năm 1983.

Cư trú tại: số nhà M đường L, khu A phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt – đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Trung D tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Hải Dương vào ngày 16-9-2003. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do anh D không chịu lao động, đánh chửi chị, nghiện rượu, nghiện ma túy đá từ năm 2006. Năm 2010 chị đã bỏ về gia đình nhà đẻ ở xã N, TP Hải Dương khoảng 3 tháng, anh D sang xin lỗi, chị đã về nhà chồng sinh sống vì các con. Thời gian sau này anh D cũng không có thay đổi gì. Ngày

18/3/2017 khi chị đi làm về muộn thì bà Nguyễn Thị T là mẹ chồng chị nhờ người nhắn cho chị biết ở nhà anh D đang chờ chị về để đánh nên chị đã bỏ về nhà đẻ ở xã N, TP Hải Dương sinh sống từ đó đến nay và có nhờ bố mẹ chồng chăm sóc các con. Anh D và gia đình anh có sang tìm nhưng chị không về chung sống cùng anh D, thời gian chị bỏ về nhà qua bà T thì được biết anh D vẫn không có gì thay đổi hơn thời gian chị chung sống cùng anh. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 3-2017 đến nay, không liên quan đến nhau về kinh tế, tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-01-2005, Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 24-5-2006, Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011; hiện đang ở với anh D; do khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã N, TP Hải Dương sinh sống anh D không cho các con đi cùng chị. Hàng tháng chị vẫn đóng tiền học cho 2 cháu H và cháu H1 mỗi tháng là 500.000đ, cháu L 1.000.000đ tiền ăn học bán trú và thỉnh thoảng gửi thêm ít tiền ăn cho các con thông qua bà Nguyễn Thị T. Hiện chị là công nhân Công ty TNHH MN Việt Nam, mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng hơn 6.000.000đ. Sau khi ly hôn, theo nguyện vọng của các con, chị nuôi dưỡng cháu Huyền, anh D nuôi dưỡng cháu H1 và cháu L, chị tự nguyện cấp dưỡng cùng anh D nuôi dưỡng cháu L mỗi tháng là 800.000đ kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Trung D trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị X cùng tự nguyện đến UBND phường N đăng ký kết hôn vào ngày 16-9-2003. Vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian đầu anh có nghiện ma túy, sau này đã thay đổi. Chị X bỏ về nhà đẻ 2 lần: lần 1 vào năm 2010 anh sang tìm chị X đã về sinh sống cùng anh và gia đình; lần 2 vào tháng 3-2017 do chị X đi làm về muộn anh có ghen tuông đe đánh chị X nên chị X đã bỏ về nhà đẻ sinh sống từ đó đến nay. Anh và gia đình anh có sang tìm nhưng chị X không về, vợ chồng sống ly thân 1 năm không quan tâm đến nhau, nay anh không muốn gặp và nhìn mặt chị X. Chị X làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-01-2005, Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 24-5-2006, Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011; hiện đang ở với anh, sau khi vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả 3 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung tùy chị X. Hiện nay anh làm thợ xây tại địa phương, tiền công là 200.000đ/ngày.

Về tài sản: Chị X và anh D xác định không có tài sản chung, không đề nghị tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu :

-Về chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Trung D.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-01-2005 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 24-5-2006 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011 cho anh Nguyễn Trung D tiếp tục nuôi dưỡng; kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011 cùng anh D là 800.000đ/1tháng kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm(ly hôn) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện nộp Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết về việc ly hôn và nuôi con chung giữa chị và anh Nguyễn Trung D, ĐKHKTT và cư trú tại số nhà M đường L, khu A phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Nguyễn Trung D có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[II] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Hải Dương vào ngày 16-9-2003 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bản tự khai, lời khai của chị X, anh D và biên bản làm việc tại gia đình anh D, chị X; biên bản xác minh tại địa phương xác định: Anh D và chị X sau khi kết hôn có thời gian 4 năm sống hòa thuận, hạnh phúc tuy nhiên anh D không chịu lao động, làm việc, đánh chửi chị X, chơi bời và là đối tượng nghiện ma túy, công an phường N có lập

danh sách gửi Công an thành phố Hải Dương theo dõi và giám sát. Chị X đã 2 lần bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn P, xã N, TP Hải Dương sinh sống: lần 1 vào năm 2010; lần 2 từ ngày 18 tháng 3 năm 2017 do anh D có đe dọa, tìm đánh chị X nên chị X đã về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Anh D và gia đình có sang nhà bố mẹ đẻ nhà X nói chuyện và tìm nhưng chị X không về, anh D và chị X đã ly thân 01 năm từ tháng 3 năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập nhưng anh D không lên làm việc, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh D tại địa phương; bản thân anh D xác định không muốn nhìn thấy mặt chị X, chị X làm đơn ly hôn anh đồng ý, như vậy thể hiện anh D không còn tình cảm với chị X. Tại phiên tòa, anh D xin vắng mặt và không muốn gặp mặt chị X. Từ các nhận định trên, xác định tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận khởi kiện của chị X xin ly hôn anh D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[III] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung D không thỏa thuận về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng: Chị X không chung sống cùng anh D và các con từ tháng 3-2017 đến nay, các con chung đều do anh D và gia đình anh D nuôi dưỡng nhưng tiền đóng học cho các con tại trường và 1 phần thêm vào tiền ăn cho 3 con chung do chị X đóng góp và cấp dưỡng, còn tiền ăn uống sinh hoạt hàng tháng đều do anh D cấp dưỡng và gia đình anh D giúp đỡ. Theo cháu Nguyễn Thị H có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Nguyễn Thị Thanh H1, cháu Nguyễn Thị Mai L có nguyện vọng được ở với bố. Thực tế, trong khoảng thời gian 01 năm chị X không sống cùng các con nhưng các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển và học tập bình thường. Mặt khác, về điều kiện kinh tế: anh D đi làm thợ xây thu nhập trung bình 200.000đồng/ngày, còn chị X hiện là công nhân làm việc tại Công ty TNHH WANXING Việt Nam, theo bảng lương chị X cung cấp mức thu nhập trung bình hàng tháng từ 6.500.000đồng đến 7.200.000đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị X đồng ý theo nguyện vọng của các con, chị X nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị H; anh D tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Thị Mai L và chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị Mai L là 800.000đ/1tháng kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Từ những căn cứ nhận định trên, để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định và nguyện vọng của các con cần giao cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-01-2005; giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 24-5-2006 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 14-11-2011 kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi các con chung trưởng

thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X nuôi dưỡng 01 con chung, anh D nuôi dưỡng 02 con chung nên chấp nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011 cùng anh D là 800.000đ/1tháng kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

[IV] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 18-01-2005 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Thị Thanh H1, sinh ngày 24-5-2006 và Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011 cho anh Nguyễn Trung D tiếp tục nuôi dưỡng; kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị Mai L, sinh ngày 11-4-2011 cùng anh D là 800.000đ/1tháng kể từ tháng 4 năm 2018 đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Trung D đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Trung D có đơn đề nghị thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Nguyễn Thị X chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.Tổng là 600.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AB/2016/0002660 ngày 19-01-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị X còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đồng.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường N, Tp Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu

Ý kiến của chính quyền địa phương: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị X có đăng ký kết hôn và sinh sống tại địa phương khu 15 phường Ngọc Châu. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D có chơi bời nghiện ma túy, không chịu làm ăn, chửi đánh chị X làm mất trật tự xóm làng, chị X đã bỏ về gia đình nhà đẻ ở 2 lần. Lần 1 vào năm 2010; lần thứ 2 từ tháng 3 năm 2017 đến nay. Anh D chị X có 3 con chung hiện đang ở với anh D và ông bà nội. Anh D đi làm thợ xây nhưng công việc không ổn định. Nay chị X có đơn xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÁN TÈA**

NGUYỄN THỊ THU